

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2016/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT****Quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA***Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;**Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;**Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;**Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh như sau:**1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

a) Đất chuyên trồng lúa nước (là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm) khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

b) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp (gọi chung là người sử dụng đất) phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

**2. Mức thu**

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp = 50% x Diện tích x Giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

a) Diện tích: Là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

b) Giá của loại đất trồng lúa: Tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng**

a) Người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và hướng dẫn về: phương thức xác định số tiền nộp, tổ chức thu, trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, người sử dụng đất và thời hạn nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

c) Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, sử dụng khoản tiền thu từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp với điều kiện của địa phương; các nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP.

**Điều 2.** Đối với những trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phát sinh từ thời điểm Nghị định số 35/2015/NĐ-CP có hiệu lực (từ ngày 01/7/2015) đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thì áp dụng Nghị quyết này để thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

**CHỦ TỊCH**

**Y Biêr Niê**